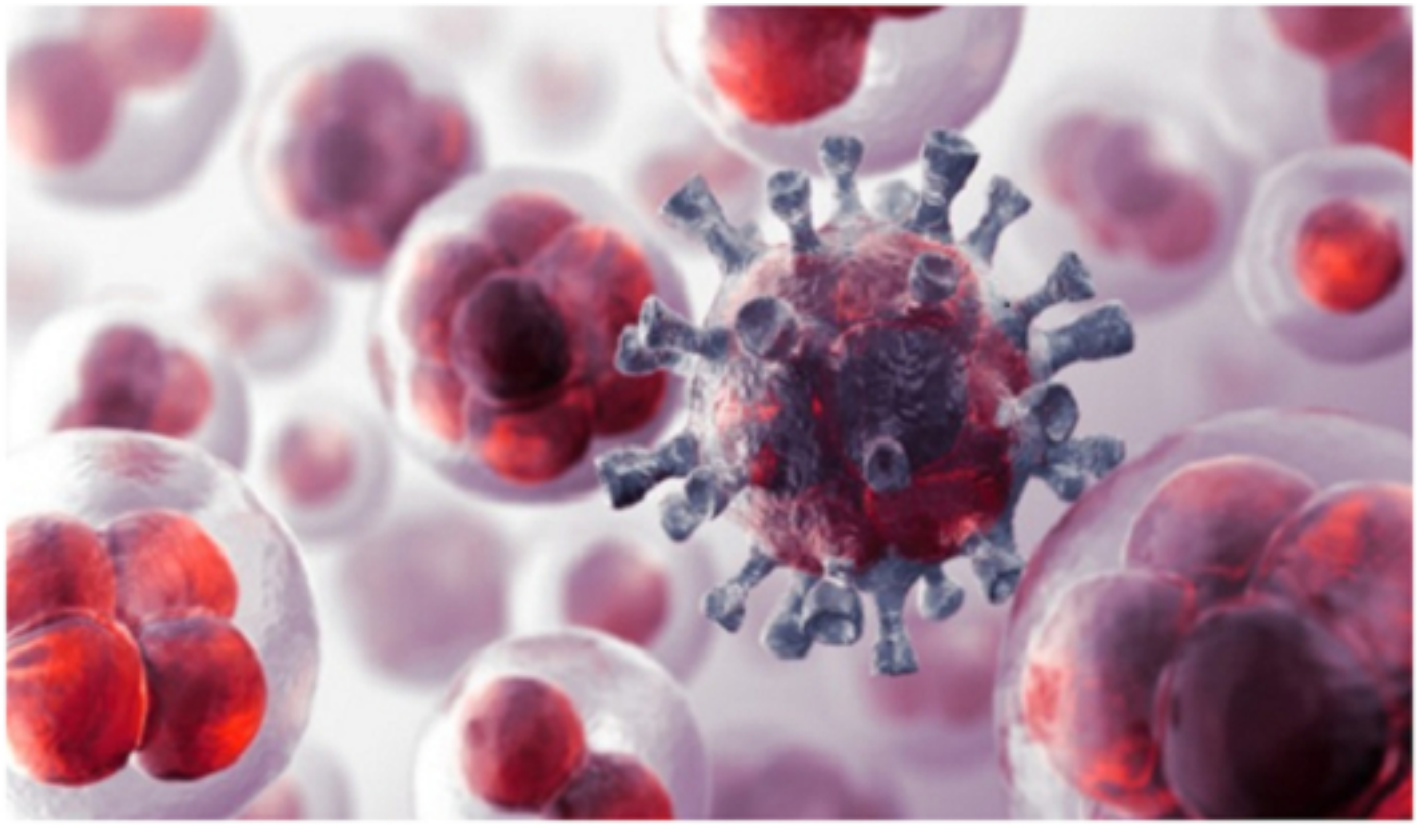
Vi t b i Biên t p viên
Th ba, 20 Tháng 6 2017 19:54 - L n c p nh t cu i Th ba, 20 Tháng 6 2017 21:21

Bs Lê Trung Nghĩa-Khoa Ung b u



I. Đ nh nghĩa: ung th ch a rõ nguyên phát đ c xác đ nh là kh i u di căn đ c đánh giá theo tiêu chu n bao g m ti n s b nh, khám lâm sàng, xét nghi m máu th ng quy, xét nghi m n c ti u, ch p xquang ng c, ch p CT Scan, và đánh giá mô h c mà không xác đ nh đ c c quan đ u tiên b ung th .

II.D ch t h c: T n su t xu t hi n t 2% đ n 4% t t c các ca b nh đ c ch n đoán Hoa K là ung th ch a rõ nguyên phát (CUP). Gi i tính: t l nam/n là kho ng 1/1. Tu i th ng g p kho ng 60 tu i.

III.Các đ c đi m lâm sàng và tiên l ng.

1. Các đ c đi m lâm sàng

Ban đ u, h u h t b nh nhân phàn nàn v tri u ch ng n i di căn, các v trí ban đ u th ng g p đ c li t kê trong b ng 1.1 và 1.2.

B ng 1.1 Các v trí ban đ u th ng g p.

v trí
T l ph n trăm
Kho ng giao đ ng(%)
h ch
26

14-37

ph□i

17

16-19

x□□ng

15

13-30

gan

11

4-19

não

8

7-10

Màng ph i

7

2-12

da

5

0-22

Phúc m c

4

1-6

* D li u đ c thu th p t 611 b nh nhân (v trí di căn rõ ràng ho c tri u ch ng đ u tiên đ c ghi nh n trên t ng b nh nhân) .

B ng1.2 Các v trí di căn đ u tiên.

V trí
T l ph n trăm(%)
Kho ng giao đ ng(%)
h ch
41
20-42
Gan
34

33-43

x ng

29

29

ph i

27

26-31

Màng ph i

11

11-12

Phúc m c

9

não

6

6

tuy n th ng th n

6

4-6

da

4

tu x ng

3

* D li u đ c thu th p t 1051 b nh nhân (t t c v trí di căn trên t ng b nh nhân đ u đ c tính).

2. Tiên l ng.

Nhìn chung, th i gian s ng trung bình c a b nh nhân có ung th ch a rõ nguyên phát là 6 đ n 9 tháng.Ít h n 20% b nh nhân s ng trên 1 năm, và 10% s ng thêm 5 năm.

+ Các y u t tiên l ng x u bao g m:

- Nam gi i.
- Ung th bi u mô tuy n.
- Tăng s l ng các c quan có liên quan đ n bi u hi n ban đ u.
- Có di căn t i gan và tuy n th ng th n
- Có di căn h ch th ng đòn.

+ Các y u t tiên l ng thu n l i bao g m

-không có di căn h ch th ng đòn.

-U t bào th n kinh n i ti t.

* M t nghiên c u trên 1000 b nh nhân (t i trung tâm M.D Anderson Cancer Center) cho th y m t vài nhóm tiên l ng đ c th hi n trong b ng 2.1

B ng 2.1 Trung bình s ng còn trong m t s nhóm tiên l ng.(đ c tính b ng tháng).

Th i gian s ng còn (tháng)
40
24
5

Bi u hi n lâm sàng
1 ho c 2 c quan di căn, không ph i ung th bi u mô tuy n, không có s tham gia c a gan- x ng- tuy
Di căn gan và u t bào th n kinh n i ti t

-Di căn gan, không ph i t bào th n kinh n i ti t, b nh nhân> 61,5 tu i.

-Di căn tuy n th ng th n.

IV. Ch n đoán

- Đánh giá ban đ u c n th c hi n các công vi c sau:

+ khai thác ti n s và khám lâm sàng: thăm khám vú và ph khoa ở ph n, khám ti n li t tuy n và tinh hoàn ở nam gi i, thăm khám đ u/ c và tr c tràng cho t t c b nh nhân.

+ Th c hi n xét nghi m: công th c máu, sinh hoá máu, n c ti u.

+ ch n đoán hình nh: n i soi khi có tri u ch ng, xét ch đ nh PET scan ngay ban đ u cho ung th t bào v y và ung th c t cung.

- C n l y m u mô l n khi sinh thi t đ u tiên.

- Vi c đánh giá chính xác b nh lý là r t quan tr ng.

- Ki m tra b ng kính hi n vi có đ phân gi i cao.

- Nh□m hoá mô mi□n d□ch nên đ□□c th□c cho t□t c□ các ca ung th□ ch□a rõ nguyên phát kém bi□t hoá. B□ng 3.1 li□t kê m□t s□ k□t qu□ hoá mô mi□n d□ch l□i ích nh□t.

Ngoài ra, m□t s□ d□u hi□u h□u ích khác là nhân t□ phiên mã tuy□n giáp (TTF-1) d□□ng tính trong ung th□ ph□i và ung th□ tuy□n giáp, WT-1d□□ng tính v□i ung th□ trung mô và ung th□ t□ bào m□m bu□ng tr□ng.

Nên xem xét ch□ đ□nh kính hi□n vi đi□n t□ n□u kh□i u không xác đ□nh đ□□c b□ng hoá mô mi□n d□ch.

B□ng 3.1 : Hoá mô mi□n d□ch dùng trong ch□n đoán phân bi□t ung th□ ch□a rõ nguyên phát.

Lo□i kh□i u
cytokeratin
Leukocyte common antigen
S100 protein, HMB 45
Neuron-speciic enolase, chromogranin
Vimentin desmin

Ung th bi u mô
+
_
_
+/_
_
Lymphoma
_
+
_
_
_

Ung th h c t

_

_

+

+/_

_

Ung th mô liên k t

_

_

_

_

+

U th n kinh n i ti t

+

_

_

+

_

Các d u hi u ph bi n đ c li t kê trong b ng 3.2

C quan ban đ u

T l ph n trăm(%)

ph i

23.7

tu

21.1

bu ng tr ng

6.4

th n

5.5

d dày

4.6

gan

4.3

ti n li t tuy n

4.1

vú

3.4

tuy n th ng th n

2.2

tuy n giáp

2.2

đ ng ni u/ bàng quang

1.9

th c qu n
1.5
h ch lympho
1.5
Túi m t/ đ ng m t
1.2
t bào m m tinh hoàn
1
Trung mô
0.5

t□ cung

0.3

khác

9.3

Toàn b□

100

** D□ li□u đ□□c thu th□p t□ 1453 b□nh nhân có ung th□ ch□a r□ nguyên phát, ch□n đoán đ□□c th□c hi□n trong su□t cu□c đ□i ho□c khám nghi□m t□ thi □ 582 b□nh nhân.

Các công ngh□ gen và protein đã tr□ thành nh□ng công c□ có giá tr□ trong vi□c ch□n đoán ung th□ chua r□ nguyên phát. Ba xét nghi□m th□□ng m□i có □ M□ là TYPE ID v□ ung th□ sinh h□c, m□t RT-qPCR 99 gen cung c□p phân lo□i phân t□ c□a 39 lo□i kh□i u trong ung th□ di căn v□i đ□ nh□y 85% và h□n 99% đ□c hi□u; Các mô hình Pathwork c□a Origi Test, có h□n 2000 gen xác đ□nh 15 v□ trí ban đ□u, v□i 89% đ□ nh□y và 99% đ□ đ□c hi□u. Rosetta miRview, 48 microRNAs RT-qPCR, v□i 85% đ□n 90% đ□ nh□y và 99% đ□ đ□c hi□u